

TIP TOP CEMENT SC 2000



Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Ngày phát hành: 13/03/2023 Ngày sửa đổi: 19/09/2025 Thay thế phiếu: 25/05/2023 Phiên bản: 1.2
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0515

MỤC 1: Định dạng

1.1. Thông tin nhận dạng sản phẩm theo GHS

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp
Tên sản phẩm : TIP TOP CEMENT SC 2000
Mã sản phẩm : 525 1557, 525 2025, 525 2027, 525 2029, 525 2050, 525 2053, 525 2064, 525 2130, 525 2153, 525 2160, 525 2161, 525 2163, 525 2165, 525 2169, 525 2173, 525 2191, 525 2193, 525 2194, 525 2196, 525 2247, 525 2249, 525 4003, 525 4006, 525 4010, 525 4024, 525 4027, 525 4034, 525 4043, 525 4041, 525 4058

1.2. Các phương tiện xác nhận khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung.

1.3. Sử dụng được khuyến nghị hóa chất và các hạn chế khi sử dụng

Khuyến cáo sử dụng : Chất dính
Sử dụng công nghiệp

1.4. thông tin nhà cung cấp

Nhà nhập khẩu

REMA TIP TOP Australia Pty Ltd.

3/20 Worth Street

Chullora NSW 2190

Úc

T +61 2 8755 8400

Địa chỉ e-mail của người chịu trách nhiệm có thẩm quyền về Phiếu An toàn Hóa chất: sds@gbk-ingelheim.de

1.5. Số gọi trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : +61-280735031, Infotrac/GBK GmbH-ID: 93591

MỤC 2: nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc

Ấn mòn/kích ứng da, Nhóm 2	H315	Phương pháp tính
Tổn hại mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng, Nhóm 2	H319	Phương pháp tính
Mẩn cảm hóa da, Nhóm 1	H317	Phương pháp tính
Tính gây đột biến tế bào gốc sinh dục, Nhóm 2	H341	Phương pháp tính
Tính gây ung thư, Nhóm 1B	H350	Phương pháp tính
Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể – Phơi nhiễm một lần, Nhóm 3, Gây mê	H336	Phương pháp tính
Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm cấp tính, Nhóm 2	H401	Phương pháp tính
Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm mãn tính, Nhóm 2	H411	Phương pháp tính

Văn bản các hạng mục nguy hiểm H : xem Mục 16

Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường : Có thể gây ung thư, Bị nghi ngờ có thể gây khuyết tật di truyền, Có thể gây ngứa gât hoặc choáng váng, Gây kích ứng da nghiêm trọng, Có thể gây ra dị ứng trên da, Gây kích ứng mắt nghiêm trọng, Gây độc cho sinh vật thủy sinh, gây hại lâu dài

2.2. Yếu tố dán nhãn GHS, bao gồm các khuyến nghị cảnh giác

Dán nhãn theo GHS Liên Hiệp Quốc

Chữ tượng hình cảnh báo nguy hiểm (GHS-UN) :



Từ cảnh báo (GHS UN) : Nguy hiểm

TIP TOP CEMENT SC 2000

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0515

Các thành phần nguy hiểm	: Colophony; Trichloroethylene
Cảnh báo nguy cơ (GHS LHQ)	: H315+H319 - Gây kích ứng da và kích ứng mắt nghiêm trọng H317 - Có thể gây ra dị ứng trên da H336 - Có thể gây ngủ gât hoặc choáng váng H341 - Bị nghi ngờ có thể gây khuyết tật di truyền H350 - Có thể gây ung thư H411 - Gây độc cho sinh vật thủy sinh, gây hại lâu dài
Thông báo phòng ngừa (GHS-UN)	: P203 - Có được, đọc và làm theo tất cả các hướng dẫn an toàn trước khi sử dụng. P260 - Không được hít thở khí dung. P280 - Mang găng tay bảo hộ, quần áo bảo hộ, thiết bị bảo hộ mắt, thiết bị bảo hộ mặt. P318 - NẾU bị phơi nhiễm hoặc lo lắng, xin tư vấn y tế. P405 - Khóa lại. P273 - Tránh thải ra môi trường.

2.3. Nguy cơ khác không dẫn đến việc phải phân loại

Hiện chưa có thông tin bổ sung.

MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

Nhận xét : Chế phẩm từ :
Trichloroethylene

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc
Trichloroethylene	Số CAS: 79-01-6	≥ 80 – < 90	Skin Irrit. 2, H315 Eye Irrit. 2, H319 Skin Sens. 1, H317 Muta. 2, H341 Carc. 1B, H350 STOT SE 3, H336 Aquatic Chronic 3, H412
Kẽm oxit	Số CAS: 1314-13-2	< 5	Aquatic Acute 1, H400 (M=1) Aquatic Chronic 1, H410 (M=1)
Colophony	Số CAS: 8050-09-7	< 1	Skin Sens. 1, H317
Silic dioxide, dạng vô định hình	Số CAS: 7631-86-9	≥ 0,1 – < 0,3	Không phân loại

Văn bản các câu H: tham khảo mục 16

MỤC 4: Sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sơ cứu tổng quát	: Cờ bỏ ngay tất cả mọi quần áo bị vấy bẩn hoặc vương đổ. Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nhiễm độc.
Sơ cứu trong trường hợp hít phải	: Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở. Thông báo ngay cho bác sĩ.
Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da	: Rửa ngay với xà phòng và với nhiều nước. Nếu da vẫn tiếp tục bị kích ứng, tham khảo ngay ý kiến của bác sĩ.
Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt	: Rửa ngay lập tức bằng nhiều nước, kể cả vùng dưới mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Tham khảo ý kiến bác sĩ mắt.
Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải	: KHÔNG cố làm nôn. Thông báo ngay cho bác sĩ. Không tự ý cho ói mà không có ý kiến của bác sĩ. Thận trọng, nguy cơ hít sặc. Cho uống than hoạt tính hòa tan trong nước.

4.2. Triệu chứng và tác động chính (nghiêm trọng và trì hoãn)

Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải	: Có thể gây ngủ gât hoặc choáng váng.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da	: Gây kích ứng da nghiêm trọng. Có thể gây ra dị ứng trên da.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt	: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Triệu chứng kinh niên	: Có thể gây ung thư. Bị nghi là gây dị tật di truyền.

TIP TOP CEMENT SC 2000

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0515

Tác dụng tiêu cực trên sức khỏe của con người và các triệu chứng có thể xảy ra : kích ứng màng nhầy. Hơi ở lượng cô đặc lớn có thể gây: đau đầu, chóng mặt, buồn nôn. Các thành phần của sản phẩm có thể thấm thấu qua da. Tiếp xúc lặp đi lặp lại hoặc kéo dài có thể gây kích ứng da và viêm da do đặc tính tẩy bết của sản phẩm. Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây tác dụng dị ứng ở các đối tượng nhạy cảm. Nguy cơ phù phổi. Các dung môi có trong sản phẩm có thể gây hại khi tiếp xúc với da.

4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Điều trị triệu chứng.

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Biện pháp dập lửa thích hợp

Chất chữa cháy thích hợp : Nước phun. Bột khô. Bột. Cacbon đioxit. Sản phẩm này không tự cháy; khi chữa cháy chú ý đặc tính của môi trường xung quanh.
Tác nhân tiêu hủy không tương ứng : nhiều nước dưới dạng tia.

5.2. Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

Nguy cơ hòa loạn : Không bắt lửa.
Nguy cơ nổ : Sản phẩm không gây nổ.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hòa loạn : Cacbon monoxit. Cacbon đioxit. Clo. Lượng vết của. Photgen. Khí hydro clorua.

5.3. Biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với nhân viên cứu hỏa

Biện pháp phòng chống cháy : Làm mát vật chứa bị nguy hiểm bằng phun phụt nước. Dập mọi nguồn gây cháy nếu có thể làm một cách an toàn.
Hướng dẫn cứu hỏa : Dập lửa ở khoảng cách an toàn tại vị trí đảm bảo.
Biện pháp bảo hộ khi có hòa loạn : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Thiết bị thở độc lập. Quần áo bảo hộ toàn thân.
Các thông tin khác : Ngăn không cho nước sử dụng để dập lửa không lan tràn vào hệ thống cống rãnh hoặc nguồn nước. Chất cản từ đám cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm phải được thải bỏ tuân theo những quy định của cơ quan địa phương.

MỤC 6: Biện pháp cần áp dụng trong trường hợp có vương đổ

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

Biện pháp chung : Trong trường hợp có gây hơi, cần sử dụng máy hỗ trợ hô hấp thích hợp. Đảm bảo thông thoáng gió hợp lý. Sử dụng quần áo bảo hộ cá nhân.

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Hiện chưa có thông tin bổ sung.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

Thiết bị bảo hộ : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Ngăn không cho lan tràn vào hệ thống cống rãnh hoặc nguồn nước. Tránh việc tích tụ dưới tầng đất cái.

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Dùng để chứa : Lấp và giữ sản phẩm bị vương đổ.
Quy trình làm sạch : Thấm hút bằng vật liệu gắn kết chất lỏng (vd: cát, đất xốp, các tác nhân gắn kết axit hoặc thông dụng). Quét hoặc dọn sạch bằng xẻng, cho vào bình đóng kín để tiến hành tiêu hủy.

TIP TOP CEMENT SC 2000

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0515

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Bảo quản thùng chứa đóng kín. Hơi nặng hơn không khí và có thể lan tỏa gần mặt đất. Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Giữ tránh xa nhiệt độ cao, các bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn bắt cháy khác. Không hút thuốc.

7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Điều kiện lưu trữ : Bảo quản trong thùng chứa đầy kín ở nơi khô ráo, thông gió tốt.
Chất không tương hợp : chất gây cháy. Nhôm. Bột kim loại. kim loại kiềm. kim loại kiềm thổ.
Thông tin về việc bảo quản lẫn lộn : Bảo quản tránh xa thức ăn và nước uống, kể cả thực phẩm dành cho động vật.

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1. các thông số kiểm soát

Phương pháp theo dõi điện từ	
Phương pháp theo dõi điện từ	Không có phương pháp lấy mẫu mức độ phơi nhiễm cụ thể.
Phương pháp giám sát sinh học	Không có phương pháp lấy mẫu mức độ phơi nhiễm cụ thể

8.2. Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.
Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường.

8.3. Biện pháp bảo hộ cá nhân/Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay : Khuyến nghị này chỉ đề cập đến tính tương thích hóa học và thử nghiệm trong phòng thí nghiệm phù hợp với EN 374 được thực hiện trong các điều kiện phòng thí nghiệm. Tùy thuộc vào từng ứng dụng, các yêu cầu khác nhau có thể phát sinh. Vì vậy cần lưu ý đến các khuyến nghị của nhà cung cấp găng tay.

Loại	Vật liệu	Quá trình thẩm thấu	Độ dày (mm)	Việc thâm nhập	Tiêu chuẩn
Găng bảo hộ kháng hóa chất	Viton	6 (> 480 phút)	≥ 0.7		EN ISO 374

Bảo vệ mắt : Chai rửa mắt chứa nước sạch (EN 15154)

Loại	Lĩnh vực áp dụng	Đặc tính	Tiêu chuẩn
Mắt kính bảo hộ (EN 166)	Có thể xảy ra hiện tượng bắn chất lỏng		EN 166

Bảo vệ da và cơ thể :

Loại	Tiêu chuẩn
Quần áo bảo hộ tay dài	EN ISO 6530

Bảo vệ đường hô hấp : Trong trường hợp thông gió không đủ, mang thiết bị hỗ trợ hô hấp thích hợp.

Thiết bị	Loại lọc	Điều kiện	Tiêu chuẩn
Thiết bị bảo hộ hô hấp có lọc chống khí	Loại A - Hấp chất hữu cơ có điểm sôi cao (>65 °C)		EN 14387

8.4. Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung.

TIP TOP CEMENT SC 2000

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0515

MỤC 9: đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1. Tính chất lý hóa cơ bản

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng
Màu sắc	: Nhiều màu sắc đa dạng.
Mùi đặc trưng	: Ngọt.
Ngưỡng mùi	: Không có
Điểm nóng chảy	: Không có
Điểm đóng băng	: Không có
Điểm sôi	: $\approx 90^{\circ}\text{C}$
Tính dễ bắt lửa	: Không áp dụng được.
Giới hạn nổ dưới	: 7,9 Vol-%
Giới hạn nổ trên	: Không có
Điểm cháy	: Không áp dụng được. Theo số liệu của PTB, trichloroethylene không có điểm chớp cháy, tuy nhiên hỗn hợp hơi-không khí có thể bốc cháy nếu có mức năng lượng cao hơn.
Nhiệt độ tự cháy	: 410°C
Nhiệt độ phân hủy	: Không có
pH	: Không có
dung dịch pH	: Không có
Độ nhớt, động học (giá trị được tính) (40°C)	: Không có
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Kow)	: Không có
Áp suất hóa hơi	: $77\text{ hPa @ }20^{\circ}\text{C}$
Áp suất hơi ở 50°C	: Không có
Mật độ	: $1,45\text{ g/cm}^3 @ 20^{\circ}\text{C}$
Mật độ tương đối	: Không có
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C	: 4,54
Độ hòa tan	: Nước: Không trộn lẫn được, (20°C)
Độ nhớt, động lực	: $3000\text{ mPa}\cdot\text{s}$
Kích cỡ hạt	: Không áp dụng được.

9.2. Dữ liệu liên quan đến các nhóm nguy hại về mặt vật lý (bổ sung)

Khả năng trộn lẫn	: Không trộn lẫn được
Lượng VOC	: $< 90\%$
Thông tin bổ sung	: Hàm lượng dung môi $< 90\%$

MỤC 10: mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1. Phản ứng

Không phân hủy tại điều kiện lưu trữ bình thường.

10.2. Tính ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

Phản ứng với các chất oxy hóa. kim loại kiềm. kim loại kiềm thổ.

10.4. Điều kiện cần tránh

Quá trình phân hủy nhiệt có thể xảy ra ở nhiệt độ trên 120°C .

10.5. Chất không tương hợp

Tác nhân oxy hoá mạnh. kim loại kiềm. Nhôm. Bột kim loại. bazo.

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm được biết đến. Phân hủy nhiệt có thể tạo : Oxit cacbon (CO, CO₂). Khí hydro clorua. Clo. Lượng vết của. Photgen.

TIP TOP CEMENT SC 2000

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0515

MỤC 11: Thông tin về độ độc

11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

- Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa) : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
- Độ độc cấp tính (qua da) : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
- Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp) : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)

Kẽm oxit (1314-13-2)	
LD50 qua tiêu hóa chuột	> 5000 mg/kg (phương pháp OECD 401)
LD50 qua da thỏ	> 2000 mg/kg thể trọng (phương pháp OECD 402)
LC50 Hít - Chuột	> 5,7 mg/l/4h

Silic dioxide, dạng vô định hình (7631-86-9)	
LD50 qua tiêu hóa chuột	> 5000 mg/kg (phương pháp OECD 401)
LD50 qua da thỏ	> 2000 mg/kg thể trọng (phương pháp OECD 402)
LD50 qua da thỏ	> 2000 mg/kg (phương pháp OECD 402)
LC50 Hít - Chuột	(phương pháp OECD 403)

Trichloroethylene (79-01-6)	
LD50 qua tiêu hóa chuột	5400 mg/kg
LD50 qua da thỏ	> 2000 mg/kg
LC50 Hít - Chuột	12500 ppm/4h

- Ấn mồn da/kích ứng da : Gây kích ứng da nghiêm trọng.
- Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- Nhạy cảm đường hô hấp hoặc trên da : Có thể gây ra dị ứng trên da.
- Tính gây đột biến trên các tế bào mầm : Bị nghi ngờ có thể gây khuyết tật di truyền.
- Khả năng gây ung thư : Có thể gây ung thư.

Silic dioxide, dạng vô định hình (7631-86-9)	
NOAEL (mãn tính, tiêu hóa, động vật/giống đực, 2 năm)	1800 – 3000 mg/kg thể trọng Animal: rat, Animal sex: male, Guideline: OECD Guideline 453 (Combined Chronic Toxicity / Carcinogenicity Studies)
NOAEL (mãn tính, tiêu hóa, động vật/giống cái, 2 năm)	1800 – 3200 mg/kg thể trọng Animal: rat, Animal sex: female, Guideline: OECD Guideline 453 (Combined Chronic Toxicity /
Cơ quan IARC	3 - Không phân loại được

Trichloroethylene (79-01-6)	
Cơ quan IARC	1 - Gây ung thư ở người
National Toxicology Program (NTP) Status	Độc tính gây ung thư trên người được biết

- Mức độ tính trên khả năng sinh sản : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
- Mức độ tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần) : Có thể gây ngứa gât hoặc choáng váng.
- Mức độ tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại) : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)

Silic dioxide, dạng vô định hình (7631-86-9)	
NOAEL (trên da, chuột/thỏ/90 ngày)	≥ 10000 mg/kg thể trọng Thỏ

- Nguy cơ khi hít phải : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)

TIP TOP CEMENT SC 2000

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0515

Tác dụng tiêu cực trên sức khỏe của con người và các triệu chứng có thể xảy ra : kích ứng màng nhầy. Hơi ở lượng cô đặc lớn có thể gây: đau đầu, chóng mặt, buồn nôn. Các thành phần của sản phẩm có thể thấm thấu qua da. Tiếp xúc lặp đi lặp lại hoặc kéo dài có thể gây kích ứng da và viêm da do đặc tính tẩy béo của sản phẩm. Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây tác dụng dị ứng ở các đối tượng nhạy cảm. Nguy cơ phù phổi. Các dung môi có trong sản phẩm có thể gây hại khi tiếp xúc với da.

MỤC 12: Thông tin sinh thái

12.1. Độ độc tính

Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp) : Gây độc lên các sinh vật thủy sinh.
Quy trình phân loại (Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)) : Phương pháp tính
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn) : Gây độc cho sinh vật thủy sinh, gây hại lâu dài.
Quy trình phân loại (Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)) : Phương pháp tính

Silic dioxide, dạng vô định hình (7631-86-9)	
LC50 cá l	> 5000 mg/l Pimephales promelas - (phương pháp OECD 203)
EC50 Daphnia l	> 5000 mg/l Daphnia magna (bọ chết nước) - (phương pháp OECD 202)
EC50 - Các sinh vật thủy sinh [1]	> 2500 g/l Bùn hoạt tính - (phương pháp OECD 209) - Phương pháp thử nghiệm UE C.11
EC50 72h - Tảo [1]	> 173,1 mg/l Desmodesmus subspicatus
LOEC (mãn tính)	149,2 mg/l Test organisms (species): Daphnia magna Duration: '21
NOEC mạn tính thân giáp	68 mg/l Daphnia magna (bọ chết nước) - (phương pháp OECD 211)

Trichloroethylene (79-01-6)	
LC50 cá l	42,4 mg/l (96 h), Pimephales promelas
EC50 Daphnia l	47 mg/l (Thời gian phơi nhiễm: 48 giờ - Loài: Daphnia magna)
EC50 72h - Tảo [1]	420 mg/l (96 h), Tảo

12.2. tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

TIP TOP CEMENT SC 2000	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không có thông tin.

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

TIP TOP CEMENT SC 2000	
Khả năng tích lũy sinh học	Không có thông tin.

Trichloroethylene (79-01-6)	
Log Pow	2,53
Khả năng tích lũy sinh học	Do giá trị log Po/w thấp nên có thể coi sản phẩm có tiềm năng tích lũy sinh học thấp.

12.4. Tính lưu động dưới đất

TIP TOP CEMENT SC 2000	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung.
Sinh thái - đất	Không có thông tin.

Trichloroethylene (79-01-6)	
Sinh thái - đất	Có khả năng linh hoạt dưới lòng đất.

TIP TOP CEMENT SC 2000

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0515

12.5. Các tác dụng có hại khác

Ozon : Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)

Các tác dụng có hại khác : Hiện chưa có thông tin bổ sung.

Các thông tin khác : Không đổ vào hệ thống nước bề mặt và cống rãnh.

MỤC 13: Được xem như dành cho xử lý phân hủy




13.1. Quy trình tiêu hủy

Phương pháp xử lý chất thải : Khuyến khích tái chế thay cho tiêu hủy hoặc thiêu hủy. Có thể được thiêu hủy theo quy định hiện hành của cấp chính quyền địa phương. Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.

Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì : Giao nộp các thùng chứa rỗng cho cơ sở tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải tại địa phương. Bao bì bị nhiễm bẩn nên được làm rỗng tối đa, sau đó có thể tái sử dụng sau khi làm sạch thích hợp. Bao bì không thể làm sạch sẽ được xử lý chất thải như chính chất đó.

MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Phù hợp với UN RTDG / IMDG / IATA

UN RTDG	IMDG	IATA
14.1. Số hiệu UN		
1710	1710	1710
14.2. Tên mã UN		
TRICHLOROETHYLENE (DUNG DỊCH)	TRICHLOROETHYLENE (SOLUTION)	Trichloroethylene (SOLUTION)
14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
6.1	6.1	6.1
		
14.4. Phân nhóm đóng gói		
III	III	III
14.5. Ảnh hưởng đến môi trường		
Nguy hiểm cho môi trường: Có	Nguy hiểm cho môi trường: Có Ô nhiễm biển: Có	Nguy hiểm cho môi trường: Có
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

UN RTDG

Số lượng giới hạn (UN RTDG) : 5L

Số lượng loại trừ (UN RTDG) : E1

Hướng dẫn đóng gói (UN RTDG) : P001, IBC03, LP01

Hướng dẫn đặc biệt cho xe chở cơ động và công-te-nơ hàng (UN RTDG) : T4

Quy định đặc biệt cho xe chở cơ động và công-te-nơ hàng (UN RTDG) : TP1

IMDG

Số lượng hạn chế (IMDG) : 5 L

Số lượng ngoại lệ (IMDG) : E1

Hướng dẫn đóng gói (IMDG) : P001, LP01

TIP TOP CEMENT SC 2000

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0515

Hướng dẫn đóng gói bao bì IBC (IMDG)	: IBC03
Hướng dẫn cho bể chứa (IMDG)	: T4
Bố trí chuyên biệt cho xe chứa (IMDG)	: TP1
Hạng mục hàng hóa (IMDG)	: A
Xếp hàng và bốc dỡ (IMDG)	: SW2
Cách ly (IMDG)	: SGG10

IATA

PCA Số lượng ngoại lệ (IATA)	: E1
PCA Số lượng hạn chế (IATA)	: Y642
PCA số lượng hạn chế thực tối đa (IATA)	: 2L
PCA quy chế đóng gói (IATA)	: 655
PCA số lượng thực tối đa (IATA)	: 60L
CAO quy chế đóng gói (IATA)	: 663
CAO số lượng thực tối đa (IATA)	: 220L
Mã ERG (IATA)	: 6A

14.7. Vận chuyển xô theo các văn kiện của IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế)

Không áp dụng được.

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung.

MỤC 16: Các thông tin khác

Ngày phát hành	: 13/03/2023
Ngày sửa đổi	: 19/09/2025
Thay thế phiếu	: 25/05/2023

Các thông tin khác : Một số thông tin trong các mục từ 4 đến 8 và 10 đến 12 không đề cập đến việc sử dụng và ứng dụng đúng cách của sản phẩm (xem hướng dẫn sử dụng/thông tin từ chuyên gia), mà nói về việc thải ra số lượng lớn sản phẩm này trong trường hợp xảy ra tai nạn và bất thường. Thông tin chi mô tả các yêu cầu an toàn của (các) sản phẩm và dựa trên hiểu biết và dữ liệu hiện tại của chúng tôi. Thông số kỹ thuật giao hàng có thể được tìm thấy trong các bảng dữ liệu sản phẩm tương ứng. Thông tin này không cấu thành sự đảm bảo về các đặc tính của (các) sản phẩm được mô tả theo định nghĩa của các quy định bảo hành theo luật định.

Tên viết tắt và rút ngắn:	
ADR	Hiệp định Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
ADN	Hiệp định Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển
IATA	Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế
IMDG	Hàng hóa Nguy hiểm Đường biển Quốc tế
RID	Quy định Quốc tế về việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt
DOT	Bộ Giao thông Vận tải
TDG	Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm
REACH	Việc đăng ký, đánh giá, cấp phép và các hạn chế của các chất hóa học, Quy định (EC) REACH No 1907/2006
GHS	Hệ thống hải hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất
IARC	Cơ quan Quốc tế Nghiên cứu về Ung thư
vPvB	Kéo dài và tích lũy sinh học rất nhiều

TIP TOP CEMENT SC 2000

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0515

Tên viết tắt và rút ngắn:	
PBT	Kéo dài, tích tụ sinh học và gây độc
PNEC	Nồng độ Dự báo không gây hại
CAS	Số CAS (Dịch vụ Tóm tắt Hoá chất)
IBC-Code	Quy định an toàn quốc tế đối với việc vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các chất lỏng có hại như hàng rời trong vận chuyển hàng hải
ATE	Đánh giá độc tính cao
Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói	Quy định liên quan đến việc phân loại, dán nhãn và bao bì, quy định (EC) n° 1272/2008
BCF	Chỉ số nồng độ sinh học
MARPOL 73/78	Công ước Quốc tế về việc hạn chế ô nhiễm do tàu thủy gây ra (MARPOL)
ADG	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Úc (ADG)
Bản đầy đủ của các câu H:	
Aquatic Acute 1	Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm cấp tính, Nhóm 1
Aquatic Acute 2	Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm cấp tính, Nhóm 2
Aquatic Chronic 1	Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm mãn tính, Nhóm 1
Aquatic Chronic 2	Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm mãn tính, Nhóm 2
Aquatic Chronic 3	Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm mãn tính, Nhóm 3
Carc. 1B	Tính gây ung thư, Nhóm 1B
Eye Irrit. 2	Tổn hại mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng, Nhóm 2
Muta. 2	Tính gây đột biến tế bào gốc sinh dục, Nhóm 2
Skin Irrit. 2	Ấn mồn/kích ứng da, Nhóm 2
Skin Sens. 1	Mẫn cảm hóa da, Nhóm 1
STOT SE 3	Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể – Phơi nhiễm một lần, Nhóm 3, Gây mê
H315	Gây kích ứng da nghiêm trọng
H317	Có thể gây ra dị ứng trên da
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
H336	Có thể gây ngủ gật hoặc choáng váng
H341	Bị nghi ngờ có thể gây khuyết tật di truyền
H350	Có thể gây ung thư
H400	Gây độc mạnh cho các sinh vật thủy sinh
H401	Gây độc lên các sinh vật thủy sinh
H410	Gây độc mạnh cho các sinh vật thủy sinh, gây tác hại lâu dài
H411	Gây độc cho sinh vật thủy sinh, gây hại lâu dài
H412	Gây hại cho các sinh vật thủy sinh, gây ra tác hại về lâu dài

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhằm lẫn với bất kỳ đảm bảo nào cho bất kỳ đặc tính nào của sản phẩm.